TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 8 – 2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Phong.

2. Ông Trần Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**;

Địa chỉ: ấp T, xã M1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S**.

Địa chỉ: ấp T, xã M1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Vào năm 1992, chị H và anh S tự nguyện tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới, chị H và anh S sống chung tại ấp T, xã M1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Năm 2005, chị H và anh S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Trong thời gian sống chung, chị H và anh S có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Bé D, sinh ngày 20/11/1993 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/12/1997, cháu D và cháu Đ đã trưởng thành và có khả năng lao động bình thường. Về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: chị H yêu cầu Tòa án không công nhận chị H và anh S là vợ chồng.

- Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản ghi lời khai ngày 29/7/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:*

Anh S thống nhất với trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn nên anh S và chị H không còn sống chung. Nay chị H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh S đồng ý. Về con chung, anh S thống nhất hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, anh S thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, anh S thống nhất không có, nên không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên quan hệ giữa chị H và anh S không phải là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị H khởi kiện anh Nguyễn Văn S, cư trú tại ấp T, xã M1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để yêu cầu Tòa án không công nhận chị H và anh S là vợ chồng. Nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung do các con chung đã đủ 18 (mười tám) tuổi, tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung không có. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, các đương sự đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh S thống nhất trình bày: Vào năm 1992, chị H và anh S tự nguyện tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới, chị H và anh S sống chung tại ấp T, xã M1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Năm 2005, chị H và anh S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, từ đó làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc và chị H, anh S đã không còn sống chung. Đối chiếu với các "Đơn yêu cầu xác nhận" đề ngày 12/6/2020 của chị H được Ủy ban nhân dân xã L và Ủy ban nhân dân xã M xác nhận chị H và anh S từ trước đến nay không có đăng ký kết hôn. Từ đó, có cơ sở xác định chị H và anh S không có đăng ký kết hôn là sự thật. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*, đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…".* Như vậy, chị H và anh S sống chung với nhau như vợ chồng, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn, nay chị H yêu cầu không công nhận chị H và anh S là vợ chồng, đồng thời anh S cũng thống nhất với yêu cầu của chị H nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị H và anh S đều thống nhất có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Bé D, sinh ngày 20/11/1993 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 19/12/1997 đã đủ 18 (mười tám) tuổi và có khả năng lao động bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: chị H và anh S thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị H và anh S thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên không công nhận chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung đã đủ 18 (mười tám) tuổi và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002416 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã M1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Luân